

Bản án số: 36/2021/HC-ST

Ngày 14/7/2021

V/v: Kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị T1 Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cù Thị Lan.

Bà Bùi Thị Kim Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ban - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 14/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 94/2020/TLST-HC ngày 16/12/2020 về việc “*Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXX-HC ngày 05/02/2021, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn Tấn T; địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn K, huyện B, tỉnh Đắc Lắc; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T1; địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn K, huyện B, tỉnh Đắc Lắc; có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Kim L; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn K, huyện B, tỉnh Đắc Lắc; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà T1 là bà Nguyễn Thị Kim L (Văn bản ủy quyền ngày 25/12/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ba hộ: Ông Phan Ngọc N; Văn phòng Luật sư Thanh N - Đoàn Luật sư tỉnh Đắc Lắc; địa chỉ: Số nhà 57 đường A, thôn M, xã E, thành phố T, tỉnh Đắc Lắc; có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân huyện B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn L – C/v: Chủ tịch Ủy ban nhân huyện B.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân huyện B.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của Chủ tịch Ủy ban nhân huyện B và UBND huyện B: Ông Y T Êban – c/v: Phó Chủ tịch UBND huyện B (Văn bản uỷ quyền ngày 24/12/2020); có mặt.

Cùng trụ sở: Thị trấn K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng người khởi kiện: Ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị Kim L (Viết tắt ba họ) trình bày:***

Ngày 11/12/2013, Ủy ban nhân dân huyện B (Viết tắt UBND huyện B) ban hành Quyết định số 4835/QĐ-UBND (Viết tắt QĐ số 4835), về việc thu hồi đất xây dựng công trình: kè chống sạt lở bờ tả suối Krông Kmar đối với hộ ông Đoàn Văn N (vợ là bà Nguyễn Thị T1) và Quyết định 4836/QĐ-UBND (Viết tắt QĐ số 4836), về việc thu hồi đất xây dựng công trình: kè chống sạt lở bờ tả suối Krông Kmar đối với hộ với Nguyễn Tấn T (vợ là bà Huỳnh Thị B).

Ngày 19/6/2014, UBND huyện B ban hành Quyết định số 2783/QĐ-UBND (Viết tắt QĐ số 2783), về việc thu hồi đất xây dựng công trình: kè chống sạt lở bờ tả suối Krông Kmar đối với hộ bà Nguyễn Thị Kim L (chồng là Bùi Duy Đ),

Trong cùng ngày 11/12/2013 UBND huyện B ban hành Quyết định số 4843/QĐ-UBND (Viết tắt QĐ số 4843), về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình kèm theo bản kê chi tiết đền bù, hỗ trợ các hộ có đất và tài sản trên đất bị thu hồi; theo đó, hộ ông T được bồi thường, hỗ trợ số tiền 137.866.000đồng, hộ bà Nguyễn Thị T1 được bồi thường hỗ trợ 203.769.600đồng.

Ngày 19/6/2014, UBND huyện B ban hành Quyết định số 2812/QĐ- UBND (Viết tắt QĐ số 2812) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất công trình: Kè chống sạt lở bờ tả suối Krông Kmar (đoạn 400m) kèm theo bản Thuyết minh dự toán kinh phí cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, theo đó hộ bà L được bồi thường, hỗ trợ 95.678.520đồng.

Không đồng ý với các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ ba hộ (viết tắt ba họ) khiếu nại.

Ngày 12/8/2014, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 3178/QĐ-UBND (Viết tắt QĐ số 3178) và Quyết định số 3179/QĐ-UBND (Viết tắt QĐ số 3179) về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông T và bà T1. Nội dung: không chấp nhận khiếu nại ông T và bà T1. Riêng hộ bà L mặc dù xin rút đơn khiếu nại nhưng vẫn làm đơn kiến nghị gửi UBND huyện B xem xét, giải quyết và UBND huyện B đã chỉ đạo cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B xem xét, giải quyết và trả lời tại Công văn số 42/TTPTQĐ-QLQĐ ngày 29/9/2015 (viết tắt CV số 42) và Công văn số 53 (viết tắt CV số 53), nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà L.

Không đồng ý với các Quyết định giải quyết khiếu nại và công văn trả lời đơn kiến nghị, ba hộ tiếp tục liên hệ UBND huyện B để giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 30/9/2016 giữa UBND huyện B và ba hộ Nội dung: thống nhất “...*(2) Hộ ông T và hộ bà T1 thì UBND huyện sẽ lập kế hoạch thu hồi đất và bố trí tái định cư trên một lô đất mới trên địa bàn thị trấn K với diện tích 120m²*”

Tại biên bản làm việc ngày 28/7/2017, giữa UBND huyện B với ba hộ các bên thống nhất: ba hộ bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công công trình Kè chống sạt lở bờ tả suối Krông Kmar, giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ) cho UBND huyện B và UBND huyện B đồng ý phương án bồi thường bằng đất giao cho 03 hộ dân mỗi hộ dân 01 lô đất thổ cư có diện tích 120m² tại khu dân cư mới (thị trấn K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk), mỗi lô đất trị giá 168.000.000đồng; hộ ông T phải nộp tiền chênh lệch 78.040.000 đồng; hộ bà L phải nộp tiền chênh lệch 29.102.000 đồng; hộ bà T1 được trả lại 4.040.000 đồng (số tiền trên không tính số tiền bà T1 đã nhận theo phương án cũ đã được phê duyệt).

Tại Biên bản đối thoại số 01/BB-UBND ngày 20/03/2020, chủ trương của UBND huyện B là sẽ thu hồi, bồi thường phần diện tích còn lại (nếu các hộ có đơn đề nghị thu hồi đất) theo đơn giá hiện hành đồng thời bán giá sàn không thông qua đấu giá một trong các lô 138, 139, 140 tờ bản đồ 30, khu dân cư mới thị trấn K, huyện B. Ba hộ khiếu nại yêu cầu UBND huyện B thực hiện theo biên bản ngày 27/8/2017.

Tại thời điểm thu hồi đất, hộ bà L không tham gia kiểm đếm tài sản. Tại trích lục bản đồ địa chính của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B ngày 13/05/2014 thể hiện phần diện tích đất ở bị thu hồi của doanh nghiệp bà L là 40 m² nhưng trong phương án phê duyệt thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chỉ ghi có 10,5 m², bà L không đồng ý và có lên văn phòng Ủy ban nhân dân huyện B làm việc nhưng không làm văn bản kiến nghị.

Tại thời điểm thu hồi đất, 03 hộ dân đã có đất trên địa bàn thị trấn K, huyện B nhưng riêng đất hộ bà L đang thế chấp ngân hàng. Lý do bà L nhận tiền bồi thường vào ngày 31/12/2019 là do Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B có thông báo đưa ra lý do phải nhận tiền để tất toán dự án xây dựng công trình kè chống sạt lở bờ tả suối Krông Kmar, huyện B, nên bà L mới đồng ý nhận.

Ba hộ không khiếu nại đòi đất tái định cư, vì theo điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định 47 năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 79 Luật đất đai vì UBND huyện thu đất ở của chúng tôi, nếu không có giá đền bù phù hợp thì phải cấp cho chúng tôi lô đất giá trị tương đương, 03 hộ chúng tôi thuộc trường hợp được bồi thường bằng đất chứ không phải trường hợp hỗ trợ đất tái định cư.

Ngày 12/5/2020 Chủ tịch UBND huyện B đã ban hành công văn số 1918/UBND-TTr (viết tắt Công văn 1918) về việc trả lời đơn khiếu nại của ba hộ dân. Không đồng ý với công văn trả lời trên, chúng tôi đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên hủy Công văn số 1918. Tại Bản án số 39/2020/HC-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên xử: “*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị L: Tuyên hủy Công văn số 1918/UBND-TTr*

ngày 12/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk để Chủ tịch UBND huyện B giải quyết khiếu nại lại theo đúng quy định của pháp luật”.

Cùng ngày 19/11/2020, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 5123/QĐ-UBND (Viết tắt QĐ số 5123) đối với bà Nguyễn Thị T1; Quyết định số 5124/QĐ-UBND (Viết tắt QĐ số 5124) đối với bà Nguyễn Thị Kim L; Quyết định số 5125/QĐ-UBND (Viết tắt QĐ số 5125) đối với ông Nguyễn Tấn T. Nội dung của các quyết định giải quyết khiếu nại không chấp nhận khiếu nại của ba hộ, biên bản làm việc ngày 28/7/2017 của UBND huyện B là trái pháp luật,

Do đó, ba hộ khởi kiện yêu cầu:

Tuyên hành vi hành chính của UBND huyện B về việc không thực hiện việc bồi thường bằng đất cho ba hộ theo biên bản làm việc ngày 28/7/2017 là trái pháp luật. Buộc UBND huyện B phải thực hiện việc bồi thường bằng đất cho ba hộ theo biên bản làm việc ngày 28/7/2017.

Hủy các quyết định giải quyết khiếu nại đối ba hộ: QĐ số 5123, QĐ số 5124, QĐ số 5125.

Ngày 14/5/2021, ba hộ khởi kiện bổ sung yêu cầu UBND huyện B ban hành Quyết định thu hồi đất và ban hành quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng nhưng bị sạt lở sau thời điểm thực hiện dự án và diện tích đất còn lại ngoài phạm vi thu hồi nhưng không đủ điều kiện sử dụng. Cụ thể:

Hộ ông T: Diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) 695m² (trong đó, 90m² đất ở, 605m² đất nông nghiệp). Diện tích đất thu hồi, đền bù thực tế 470,1m² (90m² đất ở, 380,1m² đất nông nghiệp); số tiền đền bù, hỗ trợ : 137.866.600 đồng. Ngoài diện tích đã thu hồi, so với diện tích trên GCNQSDĐ thì hộ ông T còn có 224,9m² đất nông nghiệp nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng (viết tắt GPMB) nhưng đã bị sạt lở.

Hộ bà T1: Diện tích đất theo GCNQSDĐ 1.150m² (trong đó 120m² đất ở, 1.030m² đất nông nghiệp). Diện tích đất Thu hồi, đền bù thực tế 719,9m² (Trong đó, 120m² đất ở, 599,9m² đất nông nghiệp); số tiền đền bù, hỗ trợ 203.769.600 đồng. Ngoài diện tích đã Thu hồi, so với diện tích trên Giấy chứng nhận thì hộ bà T1 còn có 353,5m² đất nông nghiệp nằm trong phạm vi GPMB nhưng đã bị sạt lở và 76,6m² đất nông nghiệp nằm ngoài phạm vi GPMB chưa bị sạt lở nhưng không đủ diện tích tối thiểu sử dụng.

Hộ bà L: Diện tích đất theo GCNQSDĐ 325m² (Trong đó, 40m² đất ở, 285m² đất nông nghiệp). Diện tích đất Thu hồi, đền bù thực tế 267,1m² (Trong đó, 10,5m² đất ở, 256,6m² đất nông nghiệp); số tiền đền bù, hỗ trợ 95.678.520 đồng. Ngoài diện tích đã thu hồi, so với diện tích trên Giấy chứng nhận thì hộ bà L còn có 28,4m² đất nông nghiệp nằm trong phạm vi GPMB nhưng đã bị sạt lở và 29,5m² đất ở nằm ngoài phạm vi GPMB chưa bị sạt lở nhưng không đủ diện tích tối thiểu sử dụng.

Yêu cầu Tòa án xác định nguyên nhân sạt lở do ảnh hưởng của công trình vì tại thời điểm thu hồi năm 2013 diện tích đất của 03 hộ vẫn còn theo GCNQSD đất, nay đã bị mất đi. Vì vậy chúng tôi yêu cầu UBND huyện ra Quyết định thu hồi toàn bộ diện tích

đất theo GCN QSD đất của 3 hộ và bồi thường bằng đất, đồng thời tính giá trị chênh lệch để bù hoàn cho nhau.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Y T Êban trình bày:**
Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ba hộ, với các lý do sau:

Về trình tự, thủ tục ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đất, Quyết định giải quyết khiếu nại và công văn trả lời kiến nghị đối với ba hộ liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất của công trình: Kè chống sạt lở bờ tả suối Krông Kmar, thị trấn K, huyện B là đúng quy định pháp luật, cụ thể:

Thực hiện Quyết định số 2804^b/QĐ-UBND, ngày 30/10/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Kè chống sạt lở bờ tả suối Krông Kmar, thị trấn K, huyện B; Quyết định số: 1215/QĐ-UBND, ngày 25/6/2013 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình: Kè chống sạt lở bờ tả suối Krông Kmar, thị trấn K, huyện B. UBND huyện B đã thực hiện Thông báo thu hồi đất, tiến hành tổ chức kê khai, kiểm đếm, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tổ chức thẩm định, phê duyệt phương án và thủ tục thu hồi đất của các hộ dân (trong đó có ba hộ) nằm trong phạm vi GPMB xây dựng công trình theo đúng trình tự, quy định của pháp luật.

Theo QĐ số 4843 và QĐ số 2812 thì diện tích đất thu hồi và kinh phí đền bù, hỗ trợ cho ba hộ dân cụ thể như sau:

Hộ ông T: Diện tích đất thu hồi, đền bù: 470,1m² (90m² đất ở, 380,1m² đất nông nghiệp); số tiền đền bù, hỗ trợ 137.866.600 đồng. Ngoài diện tích đã thu hồi, so với diện tích trên Giấy chứng nhận thì hộ ông T còn có 224,9m² đất nông nghiệp nằm trong phạm vi GPMB nhưng đã bị sạt lở.

Hộ bà T1: Diện tích đất thu hồi, đền bù: 719,9m² (120m² đất ở, 599,9m² đất nông nghiệp); số tiền đền bù, hỗ trợ 203.769.600 đồng. Ngoài diện tích đã thu hồi, so với diện tích trên Giấy chứng nhận thì hộ bà T1 còn có 353,5m² đất nông nghiệp nằm trong phạm vi GPMB nhưng đã bị sạt lở và 76,6m² đất nông nghiệp nằm ngoài phạm vi GPMB chưa bị sạt lở.

Hộ bà L: Diện tích đất thu hồi, đền bù: 267,1m² (10,5m² đất ở, 256,6m² đất nông nghiệp); số tiền đền bù, hỗ trợ : 95.678.520 đồng. Ngoài diện tích đã thu hồi, so với diện tích trên Giấy chứng nhận thì hộ bà L còn có 28,4m² đất nông nghiệp nằm trong phạm vi GPMB nhưng đã bị sạt lở và 29,5m² đất ở nằm ngoài phạm vi GPMB chưa bị sạt lở.

Tuy nhiên, ba hộ dân không đồng ý với giá bồi thường trên nên có đơn khiếu nại yêu cầu điều chỉnh mức giá đền bù, hỗ trợ và nếu UBND huyện B không điều chỉnh được mức giá thì đề nghị đền bù bằng đất khác tương đương với giá trị lô đất hiện tại.

Cùng ngày 12/8/2014, Chủ tịch UBND huyện B ban hành QĐ số 3178 và QĐ số 3179. Riêng hộ bà L mặc dù có đơn xin rút đơn khiếu nại nhưng vẫn làm đơn kiến nghị gửi UBND huyện xem xét, giải quyết và UBND huyện đã chỉ đạo cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện xem xét, giải quyết và trả lời tại CV số 42 và CV số 53, theo đó không chấp nhận nội dung khiếu nại và yêu cầu của người khiếu nại, kiến nghị vì:

Đối chiếu với quy định hiện hành thì giá đền bù, hỗ trợ cho các hộ dân có đất và tài sản trên đất khi nhà nước thu hồi đã được UBND huyện B phê duyệt tại QĐ số 4843; QĐ số 2812 đảm bảo đúng quy định.

Căn cứ Điều 9, Quy định về bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước Thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk; căn cứ Điều 18, Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 thì đối với hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước Thu hồi đất mà không có chỗ ở nào khác tại nơi có đất bị Thu hồi (trong phạm vi ranh giới hành chính cấp huyện) thì được giao đất ở tái định cư. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện việc Thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ, ba hộ dân trên đã có chỗ ở khác trên địa bàn thị trấn K, huyện B do đó không đủ điều kiện để bố trí đất tái định cư.

Do các hộ dân không bàn giao mặt bằng làm ảnh hưởng đến tiến độ dự án nên ngày 28/7/2017, UBND huyện B đã tổ chức buổi làm việc, đối thoại nhằm tìm hướng tháo gỡ những vướng mắc theo nguyện vọng của người dân và đi đến thống nhất Phương án bồi thường bằng đất cho ba hộ dân khi Nhà nước thu hồi đất. Nội dung:

“2. Thống nhất Phương án bồi thường bằng đất cho các hộ dân khi Nhà nước Thu hồi đất để xây dựng công trình. Cụ thể như sau: ông T (vợ là bà Huỳnh Thị B) được nhận 01 lô đất với diện tích 120m² tại khu dân cư mới thị trấn K (dãy CA). Số tiền chênh lệch ông phải nộp cho Nhà nước 78,04 triệu đồng (số tiền trên không tính số tiền ông T đã nhận theo Phương án cũ đã được phê duyệt).

Bà Nguyễn Thị T1 được nhận 01 lô đất với diện tích 120m² tại khu dân cư mới thị trấn K (dãy CA). Số tiền Nhà nước trả lại cho bà là 4,04 triệu đồng (số tiền trên không tính số tiền bà T1 đã nhận theo Phương án cũ đã được phê duyệt).

+ Ông Bùi Duy Đề (vợ là bà Nguyễn Thị Kim L) được nhận 01 lô đất với diện tích 120m² tại khu dân cư mới thị trấn K (dãy CA). Số tiền ông Bùi Duy Đề phải nộp là 29,102 triệu đồng”.

Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện UBND huyện B xét thấy nội dung Biên bản làm việc với các hộ dân vào ngày 28/7/2017 là không đúng với các quy định của pháp luật về đất đai vì các hộ không thuộc đối tượng bố trí đất tái định cư được quy định tại Điều 9, Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk, Điều 18, Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009; không Thuộc đối tượng bồi thường bằng đất hoặc giao đất không thông qua đấu giá đã được quy định tại khoản 2 Điều 59, Điều 74, khoản 2 Điều 79, Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1, 4 Điều 6, khoản 5 Điều 7, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; đồng thời vi phạm pháp luật về khiếu nại khi QĐ số 3178 và QĐ số 3179 đã có hiệu lực thi hành nên không có cơ sở pháp lý để tổ chức thực hiện.

Hơn nữa, đến nay, các hộ dân đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật, cụ thể: Cùng ngày 05/10/2016, hộ ông T nhận tổng số tiền 137.866.600 đồng; hộ bà T1 nhận tổng số tiền là 203.769.600 đồng; ngày 31/12/2019, hộ bà L nhận tổng số tiền là 95.678.520 đồng.

Đối với yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 5123 đối với bà T1; QĐ số 5124 đối với bà L; QĐ số 5125 đối với ông T của Chủ tịch UBND huyện B. UBND

huyện B giữ nguyên quan điểm nội dung các Quyết định giải quyết khiếu nại vì yêu cầu của người khởi kiện không có cơ sở.

Thực hiện Bản án số 39/2020/HC-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân Tỉnh Đắk Lắk theo đó Tòa án nhân dân Tỉnh Đắk Lắk tuyên xử: “*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị L: Tuyên hủy Công văn số 1918/UBND-TTr ngày 12/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk để Chủ tịch UBND huyện B giải quyết khiếu nại lại theo đúng quy định của pháp luật*”, UBND huyện B đã thực hiện việc giải quyết khiếu nại lại và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại đảm bảo theo trình tự, thủ tục quy định.

Theo đó, UBND huyện B đủ căn cứ và cơ sở ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại bác nội dung khiếu nại của ba hộ đối với việc khiếu nại biên bản số 01/BB-UBND ngày 20/3/2020 của UBND huyện B vì cho rằng: Biên bản số 01/BB-UBND vi phạm pháp luật nghiêm trọng, không thể hiện được ý chí, nguyện vọng chung đã được UBND huyện B kết luận tại biên bản làm việc ngày 28/7/2017 và yêu cầu UBND huyện ra Quyết định giải quyết khiếu nại bác toàn bộ nội dung biên bản số 01/BB-UBND ngày 20/3/2020 và công nhận biên bản làm việc ngày 28/7/2017.

Do đó, Chủ tịch UBND huyện B đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đối với Yêu cầu bổ sung của người khởi kiện: Buộc UBND huyện B ban hành Quyết định Thu hồi đất và ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước Thu hồi đất đối với diện tích đất nằm trong phạm vi GPMB nhưng bị sạt lở và diện tích đất còn lại ngoài phạm vi Thu hồi nhưng không đủ điều kiện sử dụng. Cụ thể đất nông nghiệp nằm trong phạm vi GPMB của bà T1 nhưng bị sạt lở là 353,5m², còn lại 76,6m² đất nông nghiệp nằm ngoài phạm vi GPMB chưa bị sạt lở; đất nông nghiệp nằm trong phạm vi GPMB của bà L bị sạt lở là 28,4m², còn lại 29,5m² đất nông nghiệp nằm ngoài phạm vi GPMB chưa bị sạt lở. Riêng hộ ông T chỉ còn 224,9m² đất nông nghiệp nằm trong phạm vi GPMB nhưng bị sạt lở, không có đất nằm ngoài phạm vi GPMB chưa bị sạt lở. UBND huyện B có ý kiến như sau:

Theo QĐ số 4843 và QĐ số 2812 thì diện tích đất Thu hồi để bồi thường, hỗ trợ cho ba hộ dân cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	DT theo GCN QSDĐ (m ²)	Loại đất		Diện tích đo đạc thực tế (m ²)	Loại đất		Diện tích Thu hồi (m ²)	Loại đất		DT đất bị sạt lở (m ²)	DT đất còn lại ngoài dự án (m ²)
			Đất ở (m ²)	Đất NN trồng cây HN (m ²)		Đất ở (m ²)	Đất NN trồng cây HN (m ²)		Đất ở (m ²)	Đất NN trồng cây HN (m ²)		
1	Nguyễn Tấn T	695	90	605	470,1	90	380,1	470,1	90	380,1	224,9	0
2	Nguyễn Thị T1	1.150	120	1.030	796,5	120	675,5	719,9	120	599,9	353,5	76,6

3	Nguyễn .T.K. L	325	40	285	296,6	40	256,6	267,1	10,5	256,6	28,4	29,5
---	-------------------	-----	----	-----	-------	----	-------	-------	------	-------	------	------

- Ngoài diện tích đất Thu hồi để bồi thường, hỗ trợ thì diện tích đất nông nghiệp của ba hộ nằm trong phạm vi GPMB của dự án nhưng do bị sạt lở trước thời điểm thực hiện dự án nên không đủ điều kiện bồi thường theo quy định, cụ thể: hộ ông T: 224,9m²; hộ bà T1 còn có 353,5m²; hộ bà L còn có 28,4m².

(Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 47, Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; căn cứ quy định tại Khoản 1, Điều 12, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì trường hợp Thu hồi đất mà diện tích đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất thì được bồi thường theo quy định sau: “1. Nếu diện tích đo đạc thực tế nhỏ hơn diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất thì bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế”).

Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi, ổn định cuộc sống cho ba hộ dân nói trên, UBND huyện B đã có Tờ trình số 291/TT-UBND ngày 01/11/2019 gửi UBND tỉnh Đắk Lắk, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk xem xét cho chủ trương hỗ trợ khác đối với diện tích đất bị sạt lở nhưng không đủ điều kiện để bồi thường, áp dụng theo quy định tại Khoản 5, Điều 23, Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk, đề xuất hỗ trợ 50.000.000 đồng/01 hộ.

Ngày 09/12/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk đã có Công văn số 3006/STNMT-CCQLĐĐ về việc xử lý kiến nghị của UBND huyện B, theo đó Sở có ý kiến: việc xin chủ trương để hỗ trợ khác cho ba hộ dân nói trên là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Tại mục 1, Báo cáo số 21/BC-STNMT ngày 18/01/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cũng khẳng định: “*Pháp luật đất đai hiện hành không quy định phải Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ cho trường hợp đất bị sạt lở do thiên tai, do đó, không có cơ sở để Thu hồi diện tích này...*”.

- Đối với diện tích đất còn lại nằm ngoài phạm vi GPMB của dự án của hộ bà L (còn lại 28,4m²) và hộ bà T1 (còn lại 76,6m²). Riêng hộ ông T đã không có diện tích đất này. UBND huyện B đã có Công văn số 3993/UBND-VP ngày 01/10/2019 đồng ý chủ trương Thu hồi hết phần diện tích đất còn lại nằm ngoài phạm vi GPMB công trình của hộ bà T1 và hộ bà L.

UBND tỉnh Đắk Lắk đã có Quyết định số 7344/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước Thu hồi đất để thực hiện công trình: Kè chống sạt lở bờ tả suối Krông Kmar, huyện B.

Theo đó, UBND huyện B đã giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B lập phương án sơ bộ bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích nằm ngoài phạm vi GPMB công trình cho các hộ theo quy định.

Tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, Thu hồi đất năm 2011, 2013 ngoài diện tích đất tại vị trí vị trí Thu hồi đất, 03 hộ đã có đất ở, chỗ ở khác trong phạm vi thị trấn nơi có đất Thu hồi. Địa phương không có quỹ đất nên xác định phương án bồi thường là đền bù bằng tiền, thời điểm đó 03 lô đất dự kiến bồi thường bằng đất giao

cho ba hộ dân mỗi hộ dân 01 lô đất thổ cư có diện tích 120m² tại thị trấn K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, Thuộc quy hoạch xây dựng công trình phục vụ công tác giáo dục. Nhưng đến khi làm việc tại Biên bản 28/7/2017 giữa 03 hộ T1, T, L, UBND huyện B đã họp và xin ý kiến của UBND tỉnh Đắk Lắk cho phép UBND huyện B chuyển mục đích sử dụng 720,0m² đất Thuộc quy hoạch xây dựng công trình công cộng này sang đất ở đô thị và được UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2380/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng 720,0 m² đất tại thị trấn K, huyện B từ đất trồng lúa sang đất ở đô thị để bồi thường bằng đất ở và tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất. Hiện nay 720,0 m² đất tại thị trấn K, huyện B vẫn nằm trong quy hoạch đất ở đô thị và quỹ đất này vẫn còn.

Ủy ban nhân dân huyện B cũng xác nhận việc không hỗ trợ đất tái định cư cho 03 hộ vì việc hỗ trợ tái định cư chỉ thực hiện đối với trường hợp Nhà nước Thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 83 Luật đất đai 2013. Do đó, đối với 03 trường hợp này không đủ điều kiện để hỗ trợ tái định cư theo quy định.

*** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ba hộ – Ông Phan Ngọc N trình bày quan điểm bảo vệ:**

Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung của ba hộ:

Tuyên hành vi hành chính của UBND huyện B về việc không thực hiện việc bồi thường bằng đất theo nội dung Biên bản lập ngày 28/7/2017 là hành vi trái pháp luật. Buộc UBND huyện B phải bồi thường bằng đất cho ba hộ theo nội dung biên bản lập ngày 28/7/2017. Vì, tại thời điểm ngày 28/7/2017 và thời điểm hiện nay địa phương có quỹ đất để bồi thường bằng đất cho ba hộ và ba hộ đồng ý khấu trừ số tiền đã nhận. Cụ thể: hộ ông T 137.866.600 đồng; hộ bà T1 203.769.600 đồng; hộ bà L 95.678.520 đồng.

Tuyên hủy các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện B gồm: QĐ số 5123 đối với bà T1; QĐ số 5124 đối với bà L và QĐ số 5125 đối với ông T.

Buộc UBND huyện B phải ban hành quyết định thu hồi đất và ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích còn lại nhưng không đủ diện tích tối thiểu để sử dụng và toàn bộ diện tích đất đã bị sạt lở. Cụ thể: Hộ ông T diện tích đất theo GCNQSDĐ 695m², diện tích đất thu hồi, đền bù thực tế 470,1m², còn lại 224,9m² đất nông nghiệp nằm trong phạm vi GPMB nhưng đã bị sạt lở; hộ bà T1 diện tích theo GCNQSDĐ 1.150m², diện tích đất thu hồi, đền bù thực tế 719,9m², ngoài diện tích đã thu hồi, so với diện tích trên GCNQSDĐ thì hộ bà T1 còn có 353,5m² đất nông nghiệp nằm trong phạm vi GPMB nhưng đã bị sạt lở và 76,6m² đất nông nghiệp nằm ngoài phạm vi GPMB chưa bị sạt lở nhưng không đủ diện tích tối thiểu sử dụng; hộ bà L diện tích đất theo GCNQSDĐ 325m², diện tích đất thu hồi, đền bù thực tế 267,1m², ngoài diện tích đã thu hồi, so với diện tích trên GCNQSDĐ thì hộ bà L còn có 28,4m² đất nông nghiệp nằm trong phạm vi GPMB nhưng đã bị sạt lở và 29,5m² đất ở nằm ngoài phạm vi GPMB chưa bị sạt lở nhưng không đủ diện tích tối thiểu sử dụng.

Yêu cầu Tòa án xác định nguyên nhân sạt lở do ảnh hưởng của việc thi công công trình vì tại thời điểm thu hồi năm 2013 diện tích đất của 03 hộ dân vẫn còn đủ theo GCNQSDĐ, nay đã bị mất đi. Vì vậy chúng tôi yêu cầu UBND huyện B ban hành

Quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất theo GCNQSDĐ của 3 hộ và bồi thường bằng đất, đồng thời tính giá trị chênh lệch để bù hoàn cho nhau.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Quá trình tham gia tố tụng, đại diện người bị kiện không đồng ý với các yêu cầu của những người khởi kiện. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện ủy quyền của người bị kiện xác định tại thời điểm các bên đối thoại ngày 28/7/2017 và thời điểm hiện nay, địa phương vẫn còn quỹ đất nên đồng ý với yêu cầu bồi thường bằng đất của ba hộ. Do đó, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ba hộ. Cần công nhận việc người bị kiện đồng ý ban hành quyết định bồi thường bằng đất cho ba hộ dân; đề nghị HĐXX chấp nhận một yêu cầu khởi kiện của bà T1 và bà L, cần buộc người bị kiện phải ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích còn lại của bà T1 là 76,6m², đối với bà L là 29,5m²; không chấp nhận yêu cầu của ba hộ đối với diện tích đã sạt lở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện. Trong cùng ngày 19/11/2020, Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Đắk Lắk ban hành QĐ số 5123, QĐ 5124, QĐ 5125 về việc giải quyết khiếu nại đối với hộ bà Nguyễn Thị T1, hộ bà Nguyễn Thị Kim L và hộ ông Nguyễn Tấn T. Không đồng ý quyết định giải quyết khiếu nại bà T1, bà L, ông T khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định trên. Ngoài ra, bà T1, bà L, ông T còn yêu cầu yêu cầu Tòa án tuyên hành vi hành chính của UBND huyện B về việc không thực hiện việc bồi thường bằng đất cho ba hộ theo biên bản làm việc ngày 28/7/2017 là trái pháp luật. Buộc UBND huyện B phải thực hiện việc bồi thường bằng đất cho ba hộ theo biên bản làm việc ngày 28/7/2017. Như vậy, Quyết định số giải quyết khiếu nại số 5123, 5124, 5125 và hành vi không thực hiện việc bồi thường bằng đất cho ba hộ là đối tượng của vụ án hành chính theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 3 của Luật tố tụng hành chính.

[1.2] Quyền khởi kiện: Ba hộ không đồng ý với QĐ số 5123, 5124, 5125 và hành vi không bồi thường bằng đất theo biên bản làm việc ngày 28/7/2017 nên ba hộ có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 115 của Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 25/11/2020, ba hộ nộp đơn khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại điểm a khoản 1, 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[1.4] Về thẩm quyền giải quyết. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại số 5123, 5124, 5125. Thấy rằng, Chủ tịch UBND huyện B ban hành các quyết định giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 14 của Luật khiếu nại tố cáo.

[2.2] Về nguồn gốc đất: Hộ bà Nguyễn Thị T1 (chồng Đoàn Văn N) là chủ sử dụng thửa đất số 22, tờ bản đồ 4, GCNQĐSD số V 424678 do UBND huyện B cấp ngày 30/7/2002, diện tích 1.150m² (Trong đó: 120m² đất ở, 1.030m² đất nông nghiệp); hộ bà L là chủ sử dụng thửa đất số 399, tờ bản đồ số 4, GCNQĐSD số BĐ 567200 do UBND huyện B cấp ngày 30/9/2011, diện tích 325m² (Trong đó: 40m² đất ở, 285m² đất nông nghiệp); hộ ông T là chủ sử dụng thửa đất số 23a, tờ bản đồ số 4, GCNQĐSD số AC 952762 do UBND huyện B cấp ngày 28/3/2006, diện tích 695m² (Trong đó: 90m² đất ở, 605m² đất nông nghiệp). Do đó, đất có nguồn rõ ràng.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà T1 và bà L, ông T về việc yêu cầu buộc UBND huyện B phải thực hiện hành vi bồi thường bằng đất cho ba hộ theo biên bản làm việc ngày 28/7/2017, HHXX thấy: Tại điểm b khoản 1 Điều 79 Luật đất đai 2013 quy định “1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam mà có đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 của Luật này khi Nhà nước Thu hồi đất thì được bồi thường như sau:

b) Trường hợp còn đất ở, nhà ở trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất Thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở.

Tại điểm b khoản 1 Điều 6 của Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất:

Việc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở quy định tại Điều 79 của Luật Đất đai được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đang sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại Việt Nam khi Nhà nước Thu hồi đất ở mà có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai thì việc bồi thường về đất được thực hiện như sau:

b) Trường hợp Thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích đất ở còn lại sau Thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mà hộ gia đình, cá nhân còn đất ở, nhà ở khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở Thu hồi thì được bồi thường bằng tiền. Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất ở thì được xem xét để bồi thường bằng đất ở.”

Tại thời điểm ban hành QĐ phê duyệt phương án bồi thường địa phương không có quỹ đất nên xác định phương án bồi thường là đền bù bằng tiền cho các hộ dân, tuy nhiên sau khi các hộ khiếu nại tại thời điểm đối thoại ngày 28/7/2017 cũng như tại thời điểm hiện nay địa phương có quỹ đất. Cụ thể tại QĐ số 2380/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng

720,0 m² đất tại thị trấn K, huyện B từ đất trồng lúa sang đất ở đô thị để bồi thường bằng đất ở và tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất. Hiện nay 720,0 m² đất tại thị trấn K, huyện B vẫn nằm trong quy hoạch đất ở đô thị và quỹ đất này vẫn còn, ba hộ Thuộc đối tượng bồi thường bằng đất. Tại phiên tòa người bị kiện đồng ý bồi thường bằng đất ở cho ba hộ. Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu của ba hộ cần tuyên hành vi không thực hiện bồi thường bằng đất là trái pháp luật. Cần buộc UBND huyện B ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ba hộ bằng đất là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 79 Luật đất đai 2013; điểm b khoản 1 Điều 6 của Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

[2.4] Xét yêu cầu: Hủy các QĐ số 5123 đối với bà T1; QĐ số 5124 đối với bà L; QĐ số 5125 đối với ông T, thấy: Do yêu cầu của hộ bà T1, bà L và ông T về việc buộc UBND huyện B phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bằng đất cho ba hộ là có căn cứ như nhận định và phân tích tại [2.3]. Do đó, các QĐ giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện B đều có nội dung không chấp nhận khiếu nại của ba hộ, không đồng ý bồi thường bằng đất cho ba hộ là không có căn cứ nên cần chấp nhận, cần tuyên hủy các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện B.

[2.5] Xét yêu cầu khởi kiện bổ sung buộc UBND huyện B ban hành Quyết định Thu hồi đất và ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất nằm trong phạm vi GPMB nhưng bị sạt lở và diện tích còn lại nằm ngoài phạm vi GPMB nhưng không đủ diện tích tối thiểu để sử dụng, thấy rằng:

Hộ bà T1 được cấp GCNQSDĐ diện tích 1.150m² (Trong đó, 120m² đất ở, 1.030m² đất nông nghiệp), tại Bản tự kê khai đất và tài sản trên đất khi Nhà nước Thu hồi đất phục vụ công tác GPMB lập ngày 10/10/2013, hộ bà T1 kê khai diện tích đất Thu hồi, đền bù thực tế 719,9m² (Trong đó, 120m² đất ở, 599,9m² đất nông nghiệp). Ngoài diện tích đã Thu hồi, so với diện tích trên GCNQSDĐ thì hộ bà T1 còn 353,5m² đất nông nghiệp nằm trong phạm vi GPMB nhưng đã bị sạt lở và 76,6m² đất nông nghiệp nằm ngoài phạm vi GPMB chưa bị sạt lở. Tại biên bản đo đạc đất và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/6/2021 bà T1 đồng ý với kết quả đo đạc theo trích lục Bản đồ địa chính ngày 21/11/2013 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B. Tại biên bản đo đạc, kiểm đếm bà T1 ký xác nhận và thừa nhận diện tích Thu hồi thực tế chỉ có 719,9m², diện tích còn lại nằm ngoài phạm vi GPMB là 76,6m² đất nông nghiệp không bảo đảm nhu cầu tối thiểu về diện tích để sử dụng.

Hộ bà L được cấp GCNQSDĐ diện tích 325m² (Trong đó, 40m² đất ở, 285m² đất nông nghiệp). Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kim L cho rằng diện tích đất ở bị Thu hồi của bà là 40m² nhưng bà chỉ được bồi thường 10,5m² đất ở. Tuy nhiên theo Bản tự kê khai đất và tài sản trên đất khi Nhà nước Thu hồi đất phục vụ công tác GPMB lập ngày 09/3/2014, hộ bà L ký xác nhận Biên bản kê khai, diện tích đất Thu hồi, đền bù thực tế chỉ có 267,1m² (10,5m² đất ở, 256,6m² đất nông nghiệp). Như vậy, ngoài diện tích đã Thu hồi, so với diện tích trên Giấy chứng nhận thì hộ bà L còn có 29,5m² đất ở nằm ngoài phạm vi GPMB nhưng không đủ diện tích tối thiểu để sử dụng.

Hộ ông T được cấp GCNQSDĐ diện tích 695m² (Trong đó, 90m² đất ở, 605m² đất

nông nghiệp). Theo Bản tự kê khai đất và tài sản trên đất khi Nhà nước Thu hồi đất phục vụ công tác GPMB lập ngày 10/10/2013 diện tích đất Thu hồi, đền bù thực tế chỉ có 470,1m² (Trong đó, 90m² đất ở, 380,1m² đất nông nghiệp). Ngoài diện tích đã Thu hồi, so với diện tích trên Giấy chứng nhận thì hộ ông T còn có 224,9m² đất nông nghiệp nằm trong phạm vi GPMB nhưng đã bị sạt lở, quá trình giải quyết vụ án ông T cho rằng hộ ông vẫn còn đất nằm ngoài phạm vi GPMB chưa bị sạt lở, tuy nhiên Tòa án đã tiến hành đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/6/2021, ông T không còn đất nằm ngoài phạm vi GPMB.

Xét thấy, Quyết định số 2804^b/QĐ-UBND, ngày 30/10/2012 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Kè chống sạt lở bờ tả suối Krông Kmar. Tại phiên tòa người khởi kiện đồng thời là các chủ sử dụng đất xác nhận trước khi thực hiện đo đạc, kiểm đếm và thi công công trình kè chống sạt lở thì diện tích đất của các hộ đã bị sạt lở. Do đó, có căn cứ xác định nguyên nhân sạt lở đất của ba hộ là do thiên tai, thuộc trường hợp bất khả kháng nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ba hộ về việc buộc UBND huyện B phải ban hành quyết định Thu hồi đất đối với phần diện tích đã sạt lở do thiên tai.

Đối với yêu cầu buộc UBND huyện B ban hành Quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất còn lại ngoài phạm vi thu hồi nhưng không đủ điều kiện sử dụng là có căn cứ phù hợp với Công văn số 3993/UBND-VP ngày 01/10/2019 của UBND huyện B về chủ trương thu hồi hết phần diện tích đất còn lại nằm ngoài phạm vi GPMB công trình kè chống sạt lở bờ tả suối Krông Kmar, phù hợp với Quyết định số 7344/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện công trình: Kè chống sạt lở bờ tả suối Krông Kmar, huyện B.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T1, bà L. Cần buộc UBND huyện B ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất còn lại ngoài phạm vi thu hồi nhưng không đủ điều kiện sử dụng. Cụ thể: Đối với hộ bà T1 là 76,6m² đất nông nghiệp, hộ bà L là 29.5m² đất ở; riêng hộ ông T không còn diện tích đất ngoài phạm vi GPMB nên không được chấp nhận.

[3] Xét thấy, hộ ông T đã nhận 137.866.600 đồng; hộ bà T1 nhận 203.769.600 đồng và hộ bà L đã nhận 95.678.520 đồng nên UBND huyện B được khấu trừ sau khi ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ba hộ .

[4] Xét lời khai nại của người bị kiện về việc không đồng ý hủy các quyết định giải quyết khiếu nại là không có căn cứ như nhận định và phân tích tại [2.4] nên không được chấp nhận;

Xét quan điểm đồng ý bồi thường bằng đất cho ba hộ và đồng ý ban hành quyết định Thu hồi đất và ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà T1 diện tích 76,6m² đất nông nghiệp, hộ bà L 29.5m² đất ở, riêng hộ ông T không còn diện tích đất là có căn cứ cần chấp nhận như nhận định, phân tích tại [2.5].

[5] Từ những nhận định và phân tích nêu trên. Cần chấp nhận một phần khởi kiện của của hộ ba hộ như đã phân tích và nhận định tại [2], [3], [4].

[6] Về chi tố tụng: Xét tổng chi phí tố tụng 7.613.000đồng (Trong đó, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000đồng; chi phí đo đạc kỹ thuật tại Công ty TNHH đo đạc - tư vấn nông lâm nghiệp Đắc Lắc 4.613.000đồng) do ông T và bà T1 nộp tạm ứng. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên cần buộc UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B phải liên đới trách nhiệm phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 358, khoản 1 Điều 359 của Luật tố tụng hành chính.

Cần hoàn trả cho ông T và bà T1, mỗi người 3.806.500đồng sau khi T được của UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên ba hộ, không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Cần buộc Chủ tịch UBND huyện B và UBND huyện B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính; điểm b khoản 1 Điều 79 Luật đất đai 2013; điểm b khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Tấn T.

Tuyên hành vi hành chính của UBND huyện B về việc không thực hiện việc bồi thường bằng đất cho hộ bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Tấn T là hành vi trái pháp luật.

Buộc UBND huyện B phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ bằng đất cho hộ bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Tấn T.

Buộc UBND huyện B phải ban hành Quyết định thu hồi đất và ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất còn lại ngoài phạm vi Thu hồi của dự án nhưng không đủ điều kiện sử dụng của hộ bà Nguyễn Thị T1 là 76,6 m² đất nông nghiệp và hộ Nguyễn Thị Kim L 29,5m² đất ở.

UBND huyện B được khấu trừ số tiền ba hộ đã nhận. Cụ thể: hộ ông Nguyễn Tấn T đã nhận 137.866.600 đồng (*Một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng*); hộ bà Nguyễn Thị T1 đã nhận 203.769.600 đồng (*hai trăm lẻ ba triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng*) và hộ bà Nguyễn Thị Kim L đã nhận 95.678.520 đồng (*Chín mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm hai mươi đồng*).

Tuyên hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 5123/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện B đối với bà Nguyễn Thị T1; Quyết định giải quyết khiếu nại số 5124/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện B đối với bà Nguyễn Thị Kim L và Quyết định giải quyết khiếu nại số 5125/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện B đối với ông Nguyễn Tấn T.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn Tấn T về việc buộc UBND huyện Không phải ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với diện tích đất nằm trong phạm vi Thu hồi nhưng đã bị sạt lở.

[2] Về án phí: Buộc Chủ tịch UBND huyện B, UBND huyện B phải chịu 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim L 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai T số AA/2020/0017431 ngày 14/12/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Tấn T 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai T số AA/2020/0017432 ngày 14/12/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về chi phí tố tụng: Buộc Chủ tịch UBND huyện B và UBND huyện B phải liên đới trách nhiệm chịu 7.613.000 (*Bảy triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng*) chi phí tố tụng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Tấn T mỗi người 3.806.500đồng (*Ba triệu tám trăm lẻ sáu nghìn năm trăm đồng*) sau khi thu được của Chủ tịch UBND huyện B và UBND huyện B.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án Hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền